

UBND TỈNH KIÊN GIANG
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1565/SKHĐT-THQHKH

Kiên Giang, ngày 22 tháng 12 năm 2020

V/v triển khai thực hiện Quyết định số 34/2020/QĐ-TTg ngày 26/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Danh mục nghề nghiệp Việt Nam.

Kính gửi:

- Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố.

Thực hiện Công văn số 7617/VP-KGVX ngày 02/12/2020 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội và các sở, ngành có liên quan tổ chức triển khai thực hiện theo quy định.

Căn cứ Quyết định số 34/2020/QĐ-TTg ngày 26/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Danh mục nghề nghiệp Việt Nam, Sở Kế hoạch và Đầu tư đề nghị các Sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh nghiêm túc triển khai thực hiện Quyết định nêu trên.

Sở Kế hoạch và Đầu tư thông báo đến các Sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND các huyện, thành phố biết, thực hiện. /.

Nơi nhận: *Cấp*

- Như trên;
- UBND (báo cáo);
- Ban GD Sở;
- Lưu: VT, THQHKH.



Đặng Vũ Bằng



THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 34 /2020/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 26 tháng 11 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Danh mục nghề nghiệp Việt Nam

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Thống kê ngày 23 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 94/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê;

Căn cứ Nghị định số 85/2017/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định cơ cấu, nhiệm vụ, quyền hạn của hệ thống thống kê tập trung và thống kê bộ, cơ quan ngang bộ;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định Danh mục nghề nghiệp Việt Nam.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Danh mục nghề nghiệp Việt Nam sử dụng trong công tác thống kê về lao động Việt Nam và làm cơ sở để quản lý lao động theo nghề.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, thực hiện hoạt động thống kê và sử dụng thông tin thống kê liên quan đến nghề nghiệp.

Điều 3. Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục và Nội dung của Danh mục nghề nghiệp Việt Nam

1. Danh mục nghề nghiệp Việt Nam gồm 5 cấp (Phụ lục I):

- Cấp 1: Cấp độ kỹ năng.

Cấp độ kỹ năng thể hiện độ khó, độ phức tạp trong việc thực hiện công việc.

- Cấp 2 đến cấp 5: Lĩnh vực chuyên môn.

Lĩnh vực chuyên môn bao gồm các chuyên môn tương ứng với lĩnh vực chuyên môn được đào tạo hoặc do kinh nghiệm có được trong thực hiện công việc.

2. Nội dung của Danh mục nghề nghiệp Việt Nam giải thích rõ các nghề, bao gồm: mô tả chung, nhiệm vụ chủ yếu, ví dụ, loại trừ (Phụ lục II).

Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2021.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (2b). 410

